TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:**162**/2017/DS-PT
Ngày: 16-11-2017
V/v Tranh chấp hợp đồng góp hụi.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hùng Nuôi.

Các Thẩm phán: 1/- Ông Nguyễn Văn Dũ.

2/- Ông Nguyễn Văn Ngọt.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Trầm Thị Phương Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng:* Bà Trần Hồng Diễm - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 14 và 16 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2017/TLPT-DS ngày 06 tháng 10 năm 2017, về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 21/2017/DS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 209/2017/QĐPT-DS, ngày 23 tháng 10 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà H; Địa chỉ: ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

2. Bị đơn: Bà T; Địa chỉ: ấp C1, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà N; Địa chỉ: ấp C3, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

4. Người kháng cáo: Bà H là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1- Nguyên đơn H trình bày: Nguyên vào năm 2012, bà T có làm chủ hụi của nhiều dây hụi, bà là hụi viên tham gia chơi hụi do bà T làm chủ hụi cụ thể như sau:

- Ngày 30/5/2012 bà T khui 02 dây hụi, có mức hụi 1.000.000 đồng, mỗi tháng khui 01 lần.

+ Dây thứ nhất: tổng cộng có 25 phần, bà tham gia 02 phần, khui đến lần thứ 9 bà hốt 01 phần, bà đóng hụi chết được 01 lần, nợ hụi chết của bà T 14 lần phải đóng là

14.000.000đồng (1.000.000đ x 14). Còn lại 01 phần sống bà đóng cho bà T 10 lần, nên bà T còn nợ 10.000.000đồng (1.000.000đ x 10 lần).

+ Dây thứ hai: tổng cộng có 25 phần, bà tham gia 03 phần, bà đóng hụi sống cho bà T được 10 lần, nên bà T còn nợ 30.000.000đồng (1.000.000đ x 10 lần x 03 phần).

+ 05 phần hụi trên cấn trừ giữa hụi sống và hụi chết, bà T còn nợ bà 26.000.000đồng (30.000.0000đ + 10.000.000đ - 14.000.000đ).

- Dây hụi có mức hụi 2.000.000 đồng, tổng cộng có 21 phần, bà tham gia 01 phần, bà đóng hụi sống cho bà T được 07 lần, nên bà T còn nợ 14.000.000 đồng (2.000.000đ x 07 lần).

- Dây hụi có mức hụi 500.000 đồng, tổng cộng có 32 phần, bà tham gia 02 phần, nửa tháng khui một lần, khui đến lần thứ 14 bà hốt 01 phần, bà nợ hụi chết của bà T 17 lần phải đóng là 8.500.000đồng (500.000đ x 17 lần). Còn 01 phần hụi sống bà đóng cho bà T 14 lần, nên bà T còn nợ là 7.000.000 đồng (500.000đ x 14 lần). Dây hụi này sau khi cấn trừ hụi sống và hụi chết bà còn nợ bà T 1.500.000 ồng (8.500.000đ - 7.000.000đ).

- Dây hụi có mức hụi 3.000.000 đồng, tổng cộng có 20 phần, bà tham gia 01 phần, mỗi tháng khui 01 lần, bà đóng hụi sống cho bà T được 01 lần, nên bà T còn nợ là 3.000.000 đồng (3.000.000đ x 01 lần).

- Dây hụi có mức hụi 1.000.000 đồng, bà tham gia cho bà X 01 phần, bà và bà X đóng hụi sống cho bà T được 10 lần (bà X đóng được 08 lần, bà đóng giùm cho bà X 02 lần). Bà T trả tiền cho bà X 08 lần hụi sống, còn 02 lần, nên bà T còn nợ là 2.000.000đồng.

Như vậy, bà T nợ bà 59.000.000 đồng (10.000.000đ + 30.000.000đ + 14.000.000đ + 3.000.000đ + 2.000.000đ), bà nợ bà T 15.500.000 đồng (14.000.000đ + 1.500.000đ). Sau khi cấn trừ bà T còn nợ bà 43.500.000 đồng (59.000.000đ - 15.500.000đ). Nay bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T trả số tiền 43.500.000 đồng.

2- Bị đơn T trình bày: Bà thừa nhận vào năm 2012 - 2013, bà có làm chủ hụi, bà H là hụi viên có tham gia chơi 03 dây hụi.

- Dây thứ nhất: Mức hụi 1.000.000 đồng, có 25 phần, bà H tham gia 05 phần. Lần thứ 6 (ngày 30/6/2012) bà H hốt 01 phần, đóng được 04 lần hụi chết, nợ 15 lần bằng 15.000.000 đồng (1.000.000đ x 15 lần). Đến lần thứ 09 (ngày 30/9/2012) bà H hốt 01 phần nữa, đóng được 04 lần hụi chết, nợ 15 lần bằng 15.000.000 đồng (1.000.000đ x 15 lần). Còn 03 phần hụi sống bà H đóng được 10 lần bằng 30.000.000 đồng, trừ 02 phần hụi chết 30.000.000 đồng, coi như 05 phần hụi này không ai nợ ai.

- Dây thứ hai: Mức hụi 500.000 đồng, có 42 phần, bà H tham gia 02 phần. Lần thứ 11 (ngày 10/10/2013), bà H hốt 01 phần, còn nợ 28 lần hụi chết bằng 14.000.000 đồng (500.000đ x 28 lần). Lần thứ 12 (ngày 10/11/2013), bà H hốt 01 phần còn lại, đóng hụi chết được 02 lần, nợ 18 lần hụi chết bằng 9.000.000 đồng (500.000đ x 18 lần).

- Dây thứ ba: Mức hụi 2.000.000đồng, có 22 phần, bà H tham gia 01 phần, bà H đóng được 07 lần hụi sống bằng 14.000.000 đồng (2.000.000đ x 07 lần), trừ đầu thảo

1.000.000 đồng, bà còn nợ 13.000.000 đồng, trừ qua dây hụi 500.000 đồng mà bà H còn nợ 23.000.000 đồng (23.000.000đ - 13.000.000đ), bà H còn nợ bà 10.000.000đồng.

Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H về việc yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà trả 43.500.000 đồng.

3- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà N trình bày: Bà H và bà T là người ở cùng xóm, bà không có tham gia chơi hụi của bà T cùng với bà H. Còn việc bà H có tham gia hay không thì bà không biết. Cách đây khoảng mấy tháng bà H có nhờ bà ký giấy biên nhận, bà H nói ký giấy này để thỏa thuận với bà T, còn nội dung thì bà không biết, tiền hụi giữa bà H và bà T như thế nào bà cũng không biết, bà H kêu ký tên đi không sao đâu nên bà mới ký.

Sự việc được Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại bản án sơ thẩm số: 21/2017/DS-ST, ngày 15/8/2017 đã quyết định: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm c khoản 2 Điều 227, Điều 147, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 479, Điều 255, Điều 256 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 3 Điều 27 Pháp lệnh quy định về án phí, lệ phí Tòa án; khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. **Tuyên xử**:

- Bác yêu cầu của bà H kiện bà T về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi"; Bác yêu cầu của bà H kiện bà T trả số tiền hụi 43.500.000 đồng (Bốn mươi ba triệu năm trăm ngàn đồng).

- Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

- Ngày 30/8/2017, nguyên đơn bà H kháng cáo bản án sơ thẩm trên, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm với lý do bà T là chủ hụi có đủ tài liệu chứng cứ nhận tiền đóng hụi hàng tháng của bà, bà T có ký tên vào sổ nhận tiền của bà, nhưng cấp sơ thẩm chưa xem xét đến chứng cứ này.

* Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và vẫn giữ nguyên đơn kháng cáo; Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm; Đồng thời, phát biểu quan điểm về nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử nhận định:

[I] Về tố tụng:

[1] Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của nguyên đơn H là đúng theo quy định tại các Điều 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo hợp lệ và đúng theo luật định.

[2] Bà N là người cùng xóm với nguyên đơn H và bị đơn T, không có tham gia chơi hụi do bị đơn T làm chủ hụi và cũng không có quyền lợi và nghĩa vụ gì liên quan đến vụ án, cấp sơ thẩm xác định bà N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là không đúng theo quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bà N cũng không liên quan đến việc kháng cáo và bà N vắng mặt tại phiên tòa cũng không ảnh hưởng đến việc xét xử, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[II] <u>Về nội dung</u>:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay nguyên đơn H và bị đơn T trình bày và thừa nhận thống nhất: Nguyên năm 2012 bị đơn T có làm chủ hụi nhiều dây hụi, nguyên đơn H là hụi viên tham gia chơi nhiều dây hụi do bị đơn T làm chủ hụi. Nguyên đơn H tham gia dây hụi có mức hụi 1.000.000 đồng, gồm 05 phần, hốt 02 phần, các phần hụi sống còn lại nguyên đơn H đã đóng mỗi phần được 10 lần; dây hụi có mức hụi 2.000.000 đồng, gồm 01 phần, chưa hốt, nguyên đơn H đã đóng được 07 lần; dây hụi có mức hụi 500.000 đồng, gồm 02 phần, hốt 02 phần. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Tuy nhiên, theo nguyên đơn H thì dây hụi có mức hụi 1.000.000 đồng, nguyên đơn đã hốt 02 phần là đúng, nhưng nguyên đơn hốt dùm cho bà N 01 phần nên nguyên đơn H và bị đơn T đã thỏa thuận thống nhất cấn phần hụi này cho bà N đóng hụi chết cho bị đơn T, nên xem như nguyên đơn chỉ hốt 01 phần và còn nợ bị đơn 14 lần hụi chết với số tiền 14.000.000 đồng (1.000.000đ x 14 lần), còn lại 04 phần chưa hốt (hụi sống), nguyên đơn đóng cho bị đơn được 10 lần, nên bị đơn còn nợ lại nguyên đơn 40.000.000 đồng (1.000.000đ x 10 lần x 04 phần); dây hụi có mức hụi 2.000.000 đồng, nguyên đơn đóng cho bị đơn được 07 lần, nên bị đơn còn nợ lại nguyên đơn 14.000.000 đồng (1.000.000đ x 07 lần x 04 phần); dây hụi có mức hụi 500.000 đồng, nguyên đơn đã hốt 02 phần là đúng, nhưng nguyên đơn cũng hốt dùm cho bà N 01 phần nên nguyên đơn H và bị đơn T đã thỏa thuận thống nhất cấn phần hụi này cho bà N đóng hụi chết cho bị đơn T, nên xem như nguyên đơn chỉ hốt 01 phần và còn nợ bị đơn 17 lần hụi chết với số tiền 8.500.000 đồng (500.000đ x 17 lần), còn lại 01 phần chưa hốt (hụi sống), nguyên đơn đóng cho bị đơn được 14 lần, nên bị đơn còn nợ lại nguyên đơn 7.000.000 đồng (500.000đ x 14 lần).

[3] Ngược lại, theo bị đơn T thì dây hụi có mức hụi 1.000.000 đồng, nguyên đơn H đã hốt 02 phần, còn nợ bị đơn 15 lần hụi chết với số tiền là 30.000.000 đồng (1.000.000đ x 15 lần x 02 phần), còn lại 03 phần chưa hốt (hụi sống), nguyên đơn đóng cho bị đơn được 10 lần, nên bị đơn còn nợ lại nguyên đơn 30.000.000 đồng (1.000.000đ x 10 lần x 03 phần); dây hụi có mức hụi 2.000.000 đồng, nguyên đơn đóng cho bị đơn được 07 lần, nên bị đơn còn nợ lại nguyên đơn 14.000.000 đồng (1.000.000đ x 07 lần x 04 phần); dây hụi có mức hụi 500.000 đồng, nguyên đơn đã hốt hết 02 phần, 01 phần còn nợ bị đơn 28 lần hụi chết với số tiền 14.000.000 đồng (500.000đ x 28 lần) và 01 phần còn nợ bị đơn 18 lần hụi chết với số tiền 9.000.000đồng (500.000đ x 18 lần), tổng cộng nguyên đơn nợ bị đơn dây hụi này là 23.000.000 đồng. Sau khi trừ cấn thì nguyên đơn còn nợ lại bị đơn số tiền hụi là

10.000.000 đồng. Theo nguyên đơn H cho rằng dây hụi có mức hụi 1.000.000 đồng và dây hụi có mức hụi 500.000 đồng, nguyên đơn hốt mỗi dây chỉ 01 phần và nguyên đơn hốt dùm cho bà N mỗi dây 01 phần, nên nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận thống nhất cấn phần hụi này cho bà N đóng hụi chết cho bị đơn và xem như nguyên đơn chỉ hốt mỗi dây hụi 01 phần là không đúng, nguyên đơn là người hốt hụi nên bị đơn chỉ biết nguyên đơn và nguyên đơn phải chịu trách nhiệm, còn việc bà N với nguyên đơn như thế nào là bị đơn không biết.

[4] Xét thấy, theo nguyên đơn H cho rằng dây hụi có mức hụi 1.000.000 đồng và dây hụi có mức hụi 500.000 đồng, nguyên đơn hốt mỗi dây chỉ 01 phần và nguyên đơn hốt dùm cho bà N mỗi dây 01 phần, nên nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận thống nhất cấn phần hụi này cho bà N đóng hụi chết cho bị đơn và xem như nguyên đơn chỉ hốt mỗi dây hụi 01 phần, nhưng không được bị đơn T thừa nhận, nên nguyên đơn H phải có nghĩa vụ chứng minh theo quy định tại khoản 1 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nguyên đơn H có cung cấp cho Tòa án "Giấy biên nhận, kí nhận ngày 18/7/2016 của bà N để chứng minh, nhưng không được bà N thừa nhận và cho rằng bà không có cùng với nguyên đơn H tham gia chơi hụi của bị đơn T, nguyên đơn H có tham gia hay không thì bà không biết, nguyên đơn H lập giấy biên nhận nhờ bà ký và nói để thỏa thuận với bà T nên bà mới ký, còn nội dung và tiền hụi giữa nguyên đơn H và bị đơn T như thế nào là bà không biết. Do vậy, theo nguyên đơn H cho rằng dây hụi có mức hụi 1.000.000 đồng hốt 01 phần, còn lại chưa hốt 04 phần và dây hụi có mức hụi 500.000 đồng hốt 01 phần, còn lại chưa hốt 01 phần là không có cơ sở. Theo bị đơn T dây hụi có mức hụi 1.000.000 đồng nguyên đơn H hốt 02 phần, còn lại chưa hốt 03 phần và dây hụi có mức hụi 500.000 đồng nguyên đơn H hốt hết 02 phần là có căn cứ.

[4.1] Dây hụi có mức hụi 1.000.000 đồng, theo nguyên đơn H phần hụi này đã hốt thì nguyên đơn chỉ còn nợ bị đơn 14 lần hụi chết, nhưng theo bị đơn T thì phần hụi nguyên đơn H đã hốt thì nguyên đơn còn nợ bị đơn đến 15 lần hụi chết. Xét thấy, theo Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hụi, họ, biêu, phường đã quy định rõ nghĩa vụ của chủ hụi là phải "*Lập và giữ sổ hụi và các giấy tờ liên quan đến hụi*", cũng như theo tập quán chơi hụi tại địa phương thì chủ hụi là người lập và quản lý các sổ sách, giấy tờ liên quan đến việc chơi hụi, nên chủ hụi là bị đơn T phải có nghĩa vụ chứng minh việc nguyên đơn H đã hốt hụi hay chưa, đóng hay chưa đóng hụi và số tiền hụi sống đã đóng và số tiền hụi chết phải đóng là bao nhiêu. Trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, cũng như tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn không đưa ra được chứng cứ chứng minh phần hụi nguyên đơn đã hốt thì nguyên đơn còn nợ bị đơn 15 lần hụi chết, cho nên theo nguyên đơn thừa nhận thì phần hụi nguyên đơn đã hốt chỉ còn nợ bị đơn 14 lần hụi chết là có căn cứ. Do đó, 02 phần hụi nguyên đơn đã hốt thì nguyên đơn còn nợ bị đơn mỗi phần 14 lần hụi chết với số tiền 28.000.000 đồng (1.000.000đ x 14 lần x 02 phần), 03 phần hụi sống nguyên đơn đã đóng mỗi phần được 10 lần nên bị đơn còn nợ nguyên đơn 30.000.000 đồng (1.000.000đ x 10 lần x 03 phần), sau khi cấn trừ thì bị đơn T còn nợ lại nguyên đơn H số tiền hụi của dây hụi này là 2.000.000 đồng (30.000.000đ - 28.000.000đ).

[4.2] Dây hụi có mức hụi 2.000.000 đồng, các bên thừa nhận nguyên đơn H đã đóng được 07 lần nên bị đơn còn nợ nguyên đơn 14.000.000 đồng (2.000.000đ x 07 lần).

[4.3] Dây hụi có mức hụi 500.000 đồng, tại đơn yêu cầu hòa giải ngày 20/7/2016 và đơn khởi kiện ngày 24/8/2016 nguyên đơn H trình bày phần hụi đã hốt thì nguyên đơn còn nợ bị đơn 27 lần hụi chết với số tiền 13.500.000 đồng, nhưng tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 06/4/2017 nguyên đơn H lại trình bày phần hụi đã hốt thì nguyên đơn còn nợ bị đơn 17 lần hụi chết với số tiền 8.500.000 đồng, nguyên đơn chỉ cho là mình quên nên khởi kiện bổ sung chứ không đưa ra được chứng cứ để chứng minh trên thực tế nguyên đơn còn nợ bị đơn 17 lần hụi chết hay 27 lần. Đối với bị đơn T thì phần hụi nguyên đơn H đã hốt, nguyên đơn còn nợ bị đơn 01 phần đến 28 lần hụi chết và 01 phần đến 18 lần hụi chết. Xét thấy, theo trình bày của nguyên đơn H tại đơn yêu cầu hòa giải ngày 20/7/2016 và đơn khởi kiện ngày 24/8/2016, đây là lời trình bày ban đầu khi phát sinh tranh chấp nên đảm bảo khách quan, trung thực, không bị ảnh hưởng, theo trình bày của nguyên đơn H tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 06/4/2017 là bị ảnh hưởng và không có căn cứ. Do đó, theo lời thừa nhận và xác nhận của nguyên đơn H tại đơn yêu cầu hòa giải ngày 20/7/2016 và đơn khởi kiện ngày 24/8/2016, nên có đủ căn cứ xác định nguyên đơn còn nợ bị đơn 27 lần hụi chết với số tiền 13.500.000 đồng.

[4.4] Đối với phần hụi còn lại của dây hụi có mức hụi 500.000 đồng nêu trên, nguyên đơn H cũng đã hốt, nhưng không xác định hụi chết còn lại phải đóng cho bị đơn bao nhiêu lần. Nay theo bị đơn T thừa nhận nguyên đơn còn phải đóng cho bị đơn 18 lần hụi chết với số tiền 9.000.000 đồng (500.000đ x 18 lần), ngoài ra không chứng cứ nào khác chứng minh, nên Hội đồng xét xử căn cứ theo bị đơn thừa nhận để xác định phần hụi này nguyên đơn H còn phải đóng cho bị đơn 18 lần hụi chết với số tiền 9.000.000 đồng.

[5] Ngoài ra, nguyên đơn H cho rằng ngoài các dây hụi nêu trên, còn tham gia chơi hụi do bị đơn T làm chủ hụi dây hụi có mức hụi là 3.000.000 đồng, tham gia 01 phần, đóng hụi sống được 01 lần, nên bị đơn còn nợ số tiền 3.000.000 đồng và dây hụi có mức hụi là 1.000.000 đồng, tham gia 01 phần, đóng hụi sống được 02 lần, nên bị đơn còn nợ số tiền 2.000.000đồng, nhưng bị đơn T không thừa nhận, nên nguyên đơn phải có nghĩa vụ chứng minh theo quy định tại khoản 1 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, cũng như tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay nguyên đơn H cũng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh, nên đối với yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn H là không có căn cứ.

[6] Sau khi trừ cấn các phần hụi sống mà bị đơn nợ nguyên đơn với các phần hụi chết mà nguyên đơn nợ bị đơn như đã nêu trên thì có căn cứ xác định bị đơn không có nợ nguyên đơn số tiền hụi 43.500.000 đồng như nguyên đơn khởi kiện và yêu cầu. Đồng thời, tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay nguyên đơn H không đưa ra được chứng cứ mới hoặc chứng cứ khác để chứng minh cho việc bị đơn T còn nợ số tiền hụi là 43.500.000 đồng, nếu sau này có căn cứ chứng minh và còn thời hiệu khởi kiện thì nguyên đơn H cũng có quyền khởi kiện theo quy định pháp luật. Do vậy, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và đúng pháp luật.

[7] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, nhận thấy toàn bộ nội dung kháng cáo của nguyên đơn H là không có cơ sở, nên không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[7.1] Trong phần quyết định của bản án sơ thẩm tuyên về các Biên lai thu tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là có thiếu sót. Cụ thể phần quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên "*theo biên lai số: **0003708** ngày 29/8/2016*" và "*theo biên lai số: 0006817 ngày **1/4/2017***" là chưa chính xác, nếu chính xác phải là "*theo biên lai số: **0003703** ngày 29/8/2016*" và "*theo biên lai số: 0006817 ngày **10/4/2017***". Đồng thời, tại phần quyết định của bản án sơ thẩm tuyên "*Bác yêu cầu của bà H kiện bà T về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi"; Bác yêu cầu của bà H kiện bà T trả số tiền hụi 43.500.000 đồng (Bốn mươi ba triệu năm trăm ngàn đồng)*" là chưa đúng theo quy định pháp luật; Bởi lẽ, theo đơn khởi kiện của nguyên đơn là đòi tiền hụi, nên Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là "*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*" để giải quyết, trong giải quyết nếu việc yêu cầu đòi lại tiền hụi của nguyên đơn có căn cứ thì Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu, nếu việc yêu cầu đòi lại tiền hụi của nguyên đơn không có căn cứ thì Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu, nhưng cấp sơ thẩm lại bác cả yêu cầu và quan hệ tranh chấp. Xét thấy, các thiếu sót trên của cấp sơ thẩm không ảnh hưởng đến đường lối xét xử và cũng không ảnh hưởng đến quyền lợi của người khác. Do vậy, cấp phúc thẩm không cần thiết phải sửa án, mà tại phần Quyết định của bản án phúc thẩm tuyên điều chỉnh lại quyết định bản án sơ thẩm cho phù hợp và nêu các thiếu sót trên để cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm.

[7.2] Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7.3] Sau khi đã thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[8] Do kháng cáo không được chấp nhận, nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/- Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn H.

2/- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2017/DS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Sóc Trăng.

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 147, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 479, Điều 255 và Điều 256 Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hụi, họ, biêu, phường; khoản 3 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí tòa án năm 2009 và khoản 3 Điều

26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H về việc kiện đòi bị đơn bà T trả số tiền hụi là 43.500.000 đồng (bốn mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng).

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà H phải chịu là 2.175.000đồng (hai triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 950.000đồng (chín trăm năm mươi nghìn đồng), theo biên lai số: 0003703 ngày 29/8/2016 và 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai số: 0006817 ngày 10/4/2017, của Chi cục thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà H còn phải nộp thêm án phí dân sự sơ thẩm là 925.000đồng (chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

3/- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà H phải chịu 300.000đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006957 ngày 31/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyề n thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Sóc Trăng;*
- *TAND huyện A;*
- *Chi cục THA.DS huyện A;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu: HS-TDS.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Phạm Hùng Nuôi